

Bản án số:136/2021/HS-PT
Ngày 05-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 160/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn B. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn B đối với đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn B sinh năm 1959 tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: ấp T2, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1935; bị cáo có vợ tên Đỗ Thị B, sinh năm 1968 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo được tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B biết ông Trần Viết H bán 1,5ha đất rẫy trồng khoai mì tại ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Thị L với số tiền 20.000.000

đồng. Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo bán đất rẫy khoai mì. Khoảng 10 giờ ngày 05/01/2021 bị cáo Phạm Văn B liên hệ với ông Lê Văn T (sinh năm 1979 ở ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh) đến rẫy đất trồng cây khoai mì của ông H, Bị cáo Phạm Văn B nói với ông Lê Văn T số cây khoai mì trên là của mình, hai bên đồng ý mua bán củ khoai mì với giá 1.700 đồng/ kg. Sáng ngày 06/01/2021, ông Lê Văn T cho người đến nhổ khoai mì. Sau đó ông Lê Văn T và Phạm Văn B đến công ty Mai Nguyên S thuộc ấp 4, xã L, huyện P để cân củ khoai mì được 11.070 kg, ông Lê Văn T đưa cho bị cáo Phạm Văn B số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, ông Lê Văn T vận chuyển củ khoai mì về tỉnh Tây Ninh bán cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 26.000.000 đồng. Ngày 08/01/2021, ông H đi qua rẫy trồng khoai mì phát hiện cây khoai mì bị nhổ nên báo cho bà Nguyễn Thị L biết và đến công an xã A trình báo sự việc. Quá trình làm việc, bị cáo Phạm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng từ việc bán củ khoai mì cho ông Lê Văn T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 11.070kg củ khoai mì có giá trị thực tế tại thời điểm định giá được Hội đồng thống nhất xác định là: 11.070 kg x 1.700 đồng/kg = 18.819.000 đồng (mười tám triệu tám trăm mười chín nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 07 năm 2021, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo kháng cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng

xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: do không có tiền tiêu xài nên vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 05/01/2021, bị cáo nói với ông Lê Văn T củ khoai mì trồng trên đất rẫy của ông Trần Viết H ở ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là của bị cáo và bán cho ông Lê Văn T với số tiền 20.000.000 đồng. Ông Lê Văn T tin lời nói của bị cáo là thật nên đã đồng ý mua và giao tiền cho bị cáo. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối xác định khoai mì là của ông H là của mình cần bán làm cho bị hại tin tưởng đồng ý mua và đưa tiền cho bị cáo, đây là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của bị hại nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là phù với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xin hưởng án treo, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng, việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc

không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 20.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn B từ việc bị cáo bán củ khoai mì cho ông Lê Văn T, đây là số tiền do bị cáo Phạm Văn B phạm tội mà có, nhưng bị cáo Phạm Văn B đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng là cao hơn giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị L, Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền trên của bị cáo Phạm Văn B là không đúng quy định. Mặc dù không có kháng cáo về khoản tiền này nhưng việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo.

[7] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (05/11/2021).

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả cho bị cáo Phạm Văn B số tiền 20.000.000 đồng (theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 18/5/2021).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn B không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT I);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo) 1;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, LTT, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn

